TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Thanh Quan;

2. Bà Đỗ Ngọc Ngân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị H1 - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh Đ - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: Ấp 3, xã MTĐ, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14-12-2022, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Võ Thị H1 trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Anh Đ cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTĐ ngày 08-4-2015; Chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Đ hay ghen tuông và xúc phạm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khí gia đình luôn nặng nề, khó chịu; vợ chồng còn sống chung nhà nhưng thấy mâu thuẫn trầm trọng nên bà xin ky hôn.

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Anh Đ;

Về nuôi con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 05-10-2015 (đang sống với bà và ông Đ), không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Vụ án không hòa giải đoàn tụ được do bị đơn là ông Nguyễn Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt;

- Ngày 26-4-2023, bà Võ Thị H1 có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt;

- Bị đơn là ông Nguyễn Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Võ Thị H1 khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Nguyễn Anh Đ; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Bị đơn là ông Đ được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

[5.1] Bà H1 và ông Đ chung sống có đăng ký kết hôn ngày 08-4-2015 tại Ủy ban nhân dân xã MTĐ, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà H1 và ông Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà H1:

Bà H1 cho rằng xảy ra mâu thuẫn từ tháng 10 năm 2021 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Đ hay ghen tuông và xúc phạm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khí gia đình luôn nặng nề, khó chịu. Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay, bà H1 và ông Đ không khắc phục được mâu thuẫn gia đình, bà H1 và ông Đ tuy còn sống chung nhà nhưng thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà H1 khởi kiện ly hôn; ông Đ biết được việc bà H1 khởi kiện ly hôn nhưng vẫn không có ý kiến, không có mặt tham gia hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa, ông Đ không có ý chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa bà H1 và ông Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H1 yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Ông Đ không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6] Xét về nuôi con chung:

[6.1] Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà H1: Xét con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 05-10-2015, nguyện vọng muốn sống chung với bà H1, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà H1 là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận. Ông Đ không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6.2] Hiện con chung đang sống chung với bà H1 và ông Đ, nên ông Đ có nghĩa vụ giao con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi từ khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[6.3] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Bà H1 không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[6.4] Ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà H1 và ông Đ được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà H1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập. Ông Đ không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 và Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà H1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà H1 đã nộp đủ án phí; Ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị H1 được ly hôn ông Nguyễn Anh Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Bà Võ Thị H1 được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 05-10-2015 (đang sống với bà H1 và ông Đ).

Ông Nguyễn Anh Đ có nghĩa vụ giao con chung tên Nguyễn Thanh S cho bà Võ Thị H1 trực tiếp nuôi từ khi án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Ông Nguyễn Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà H1 và ông Đ được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị H1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001225 ngày 28-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, bà H1 đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MTĐ (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương